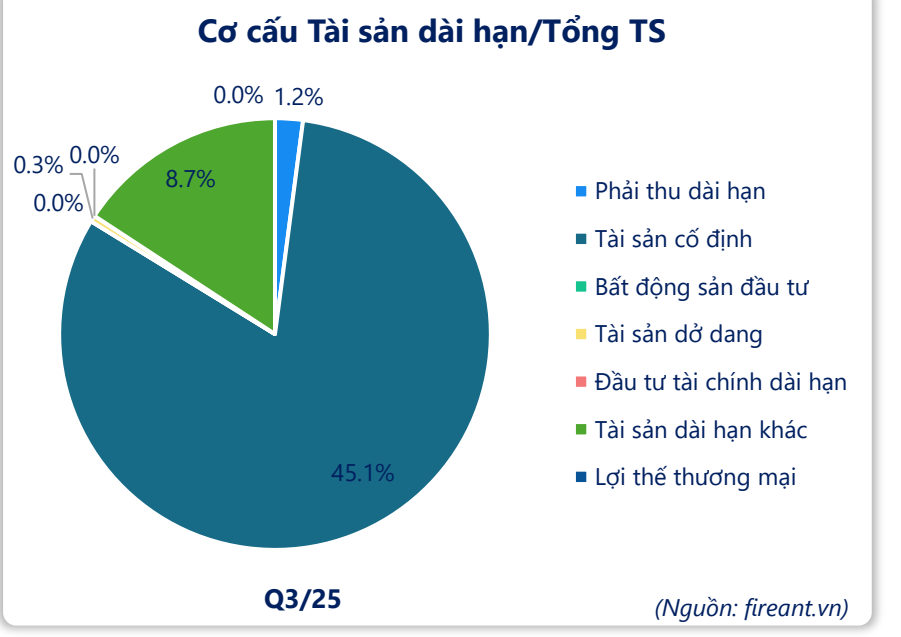
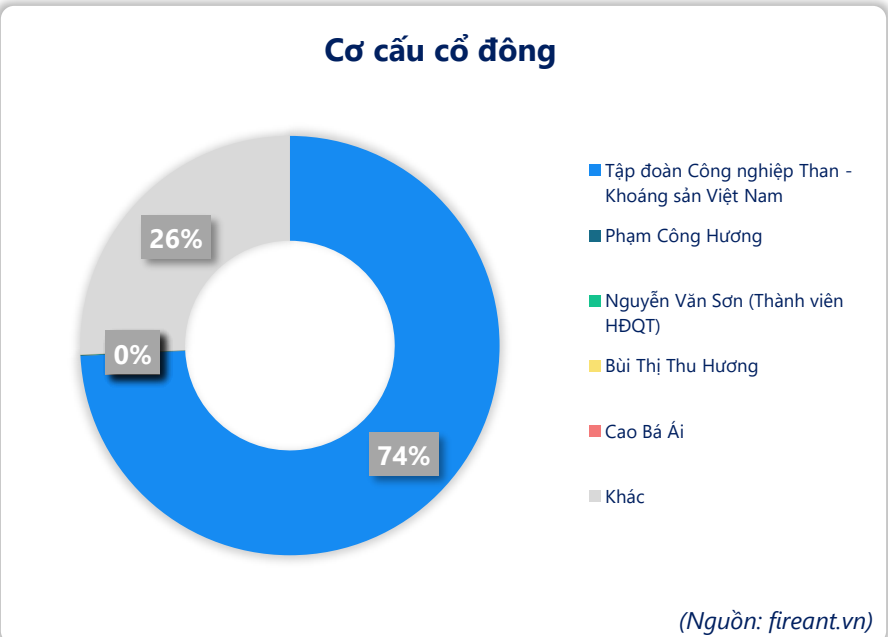
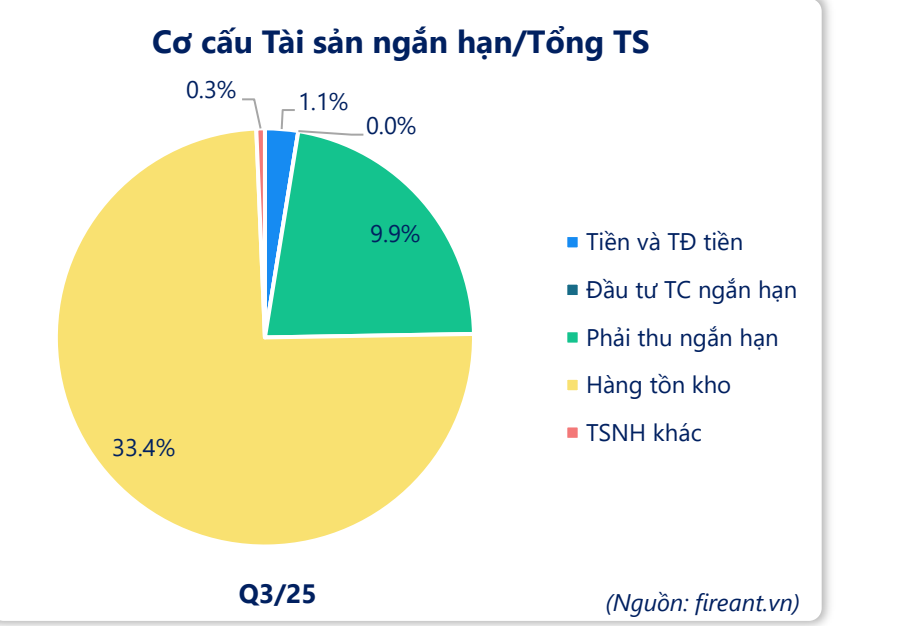
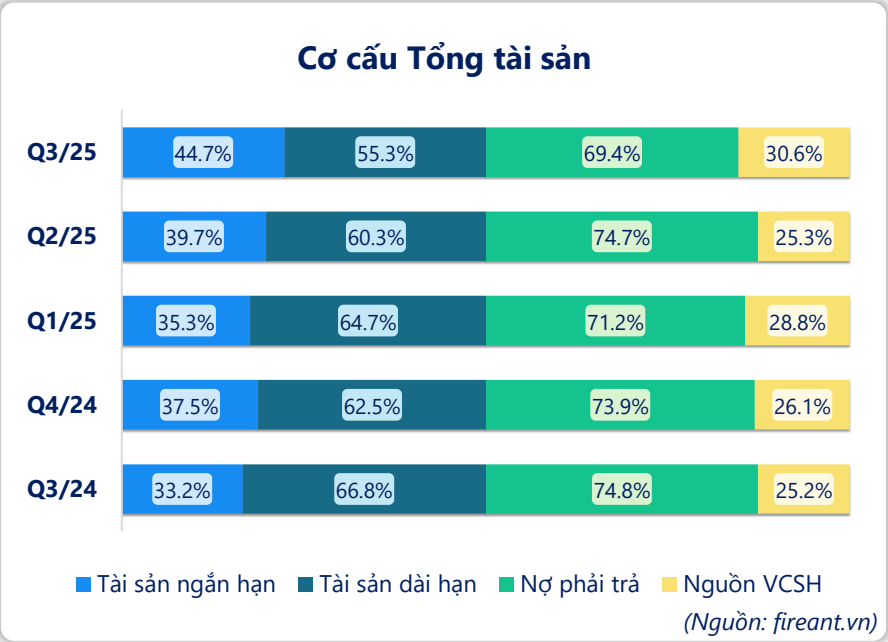
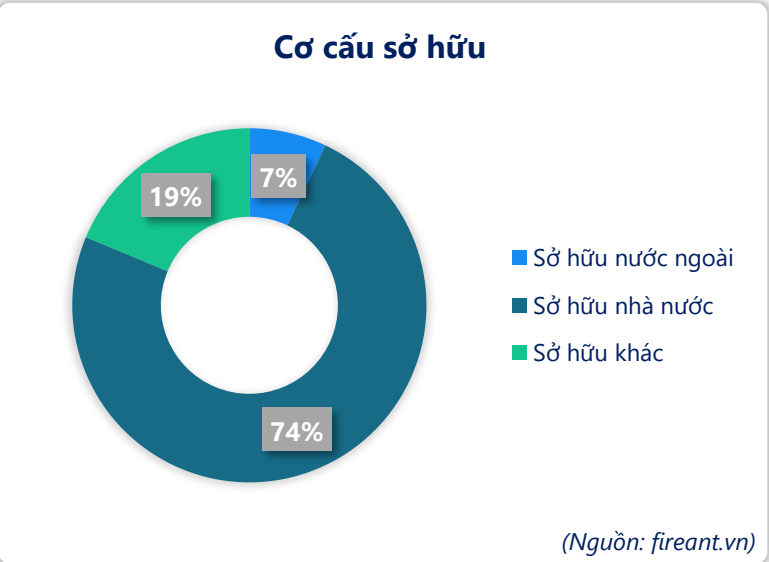
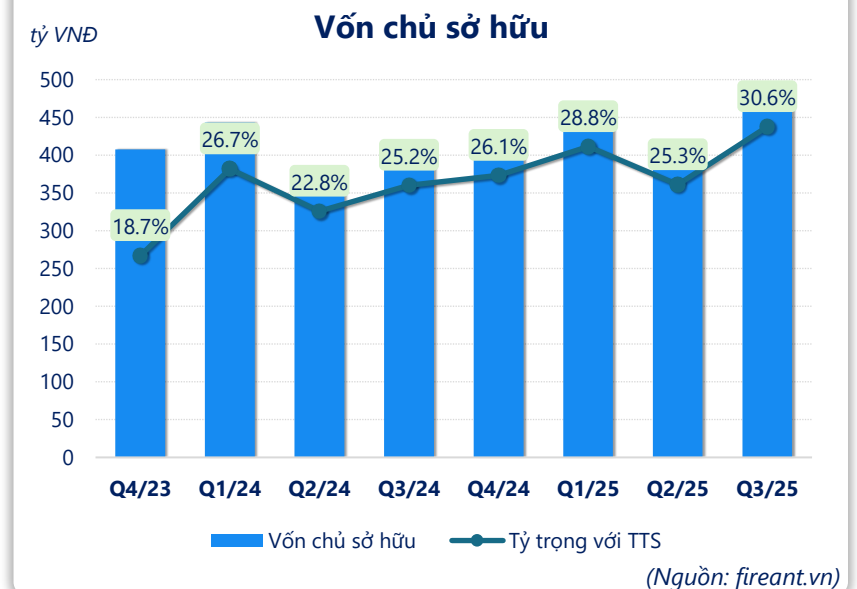
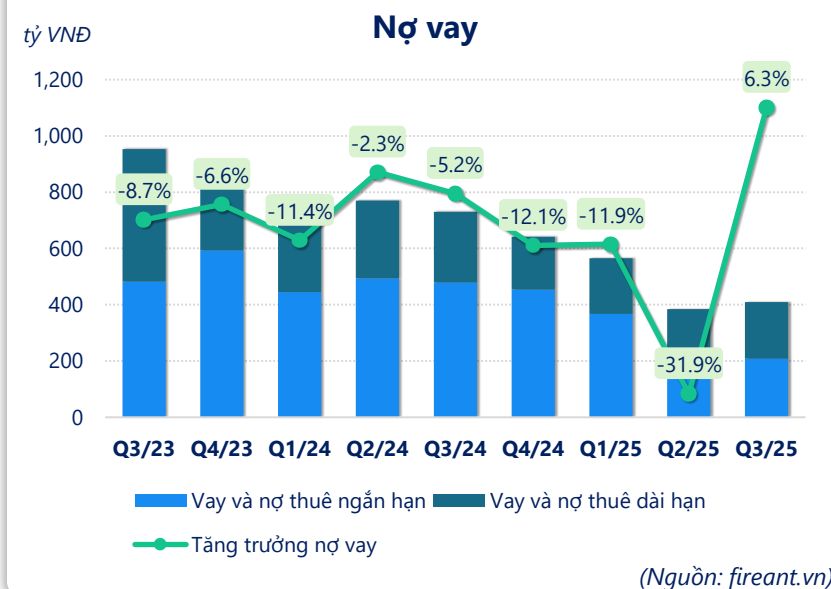
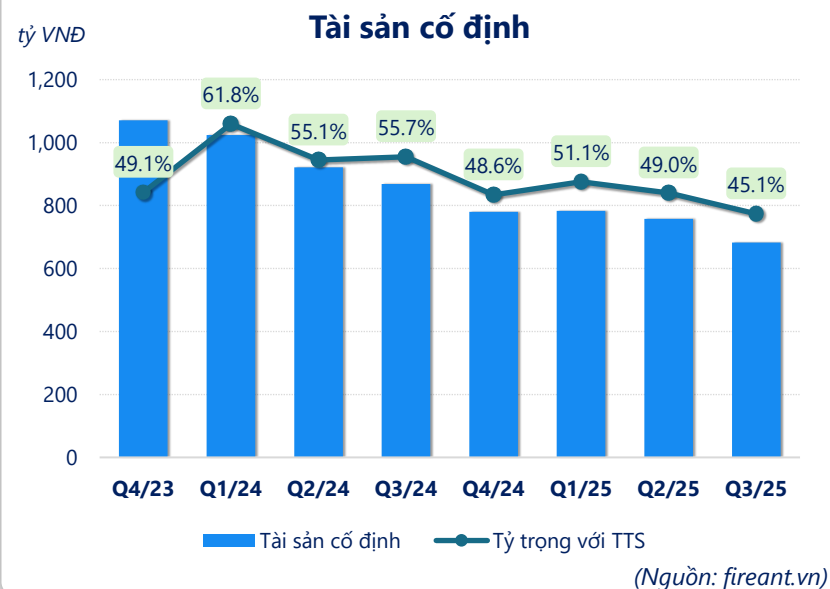
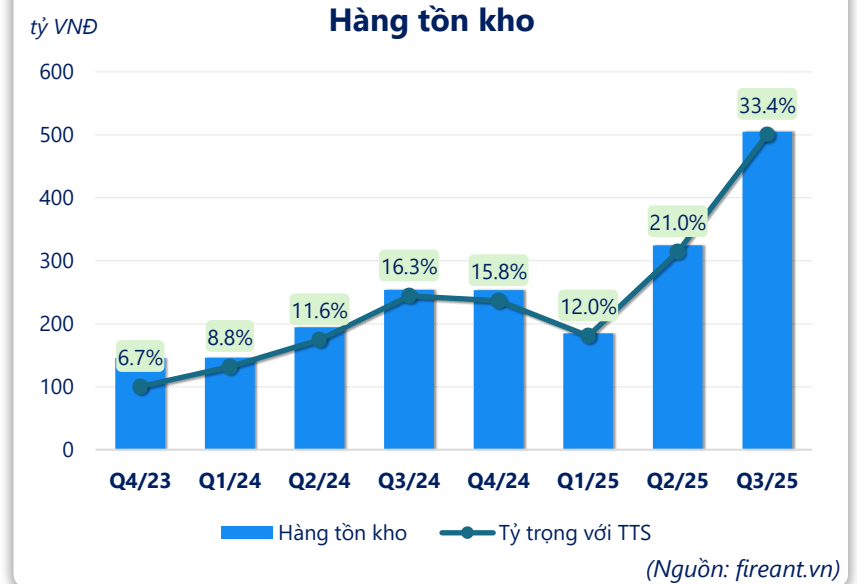
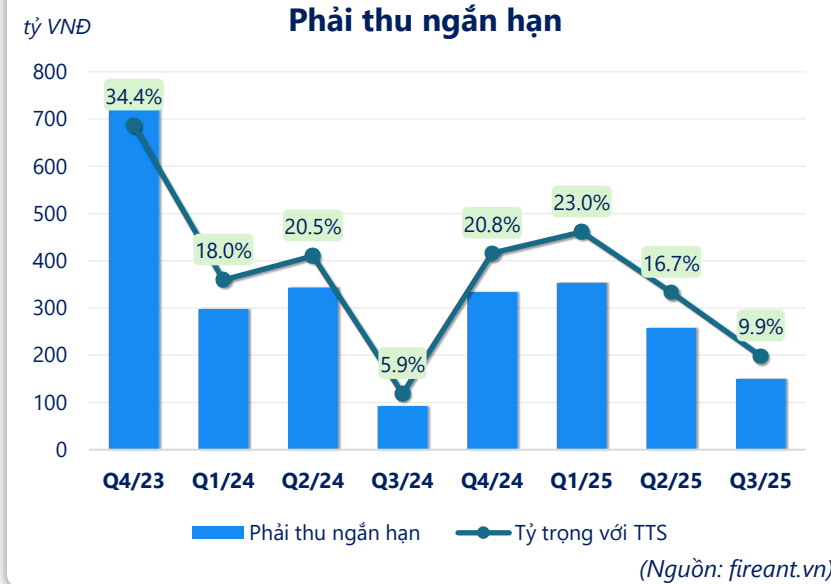
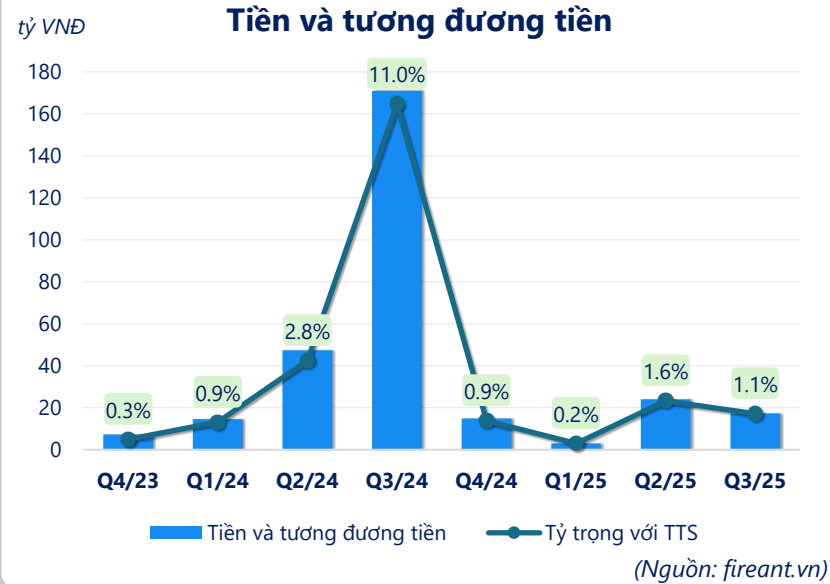
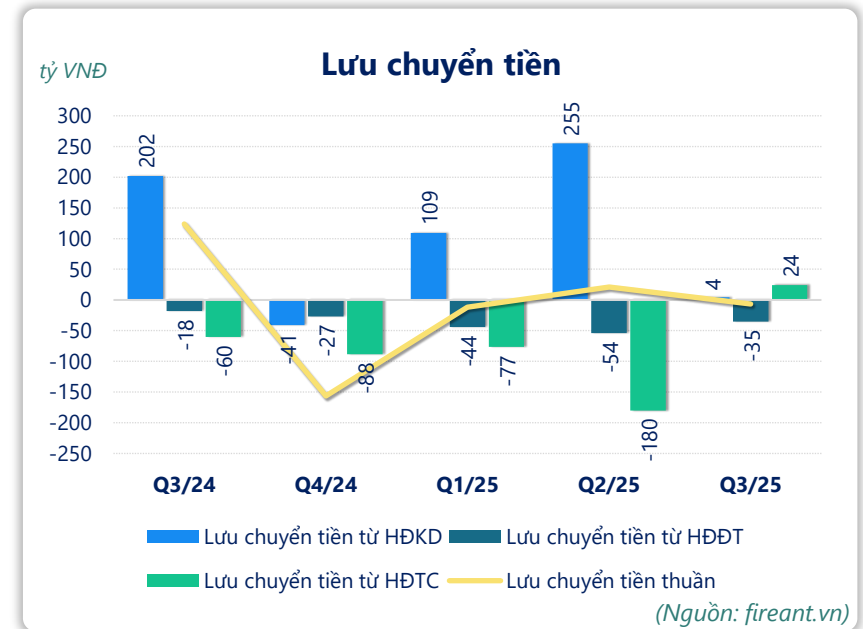
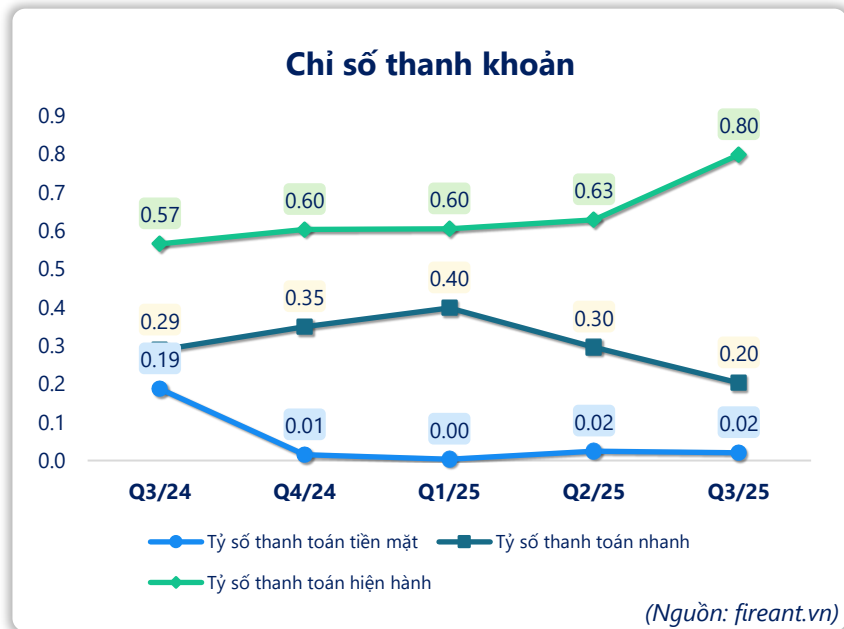
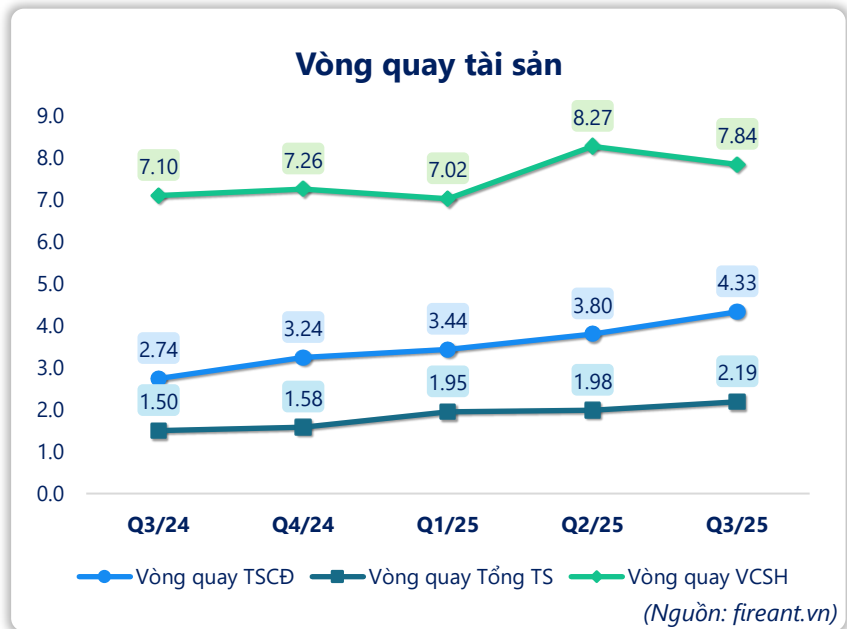
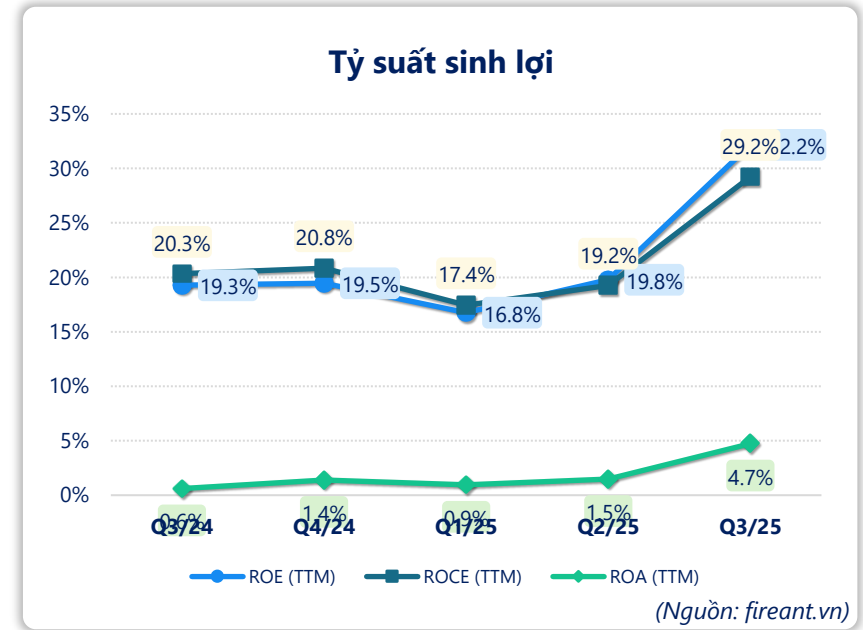
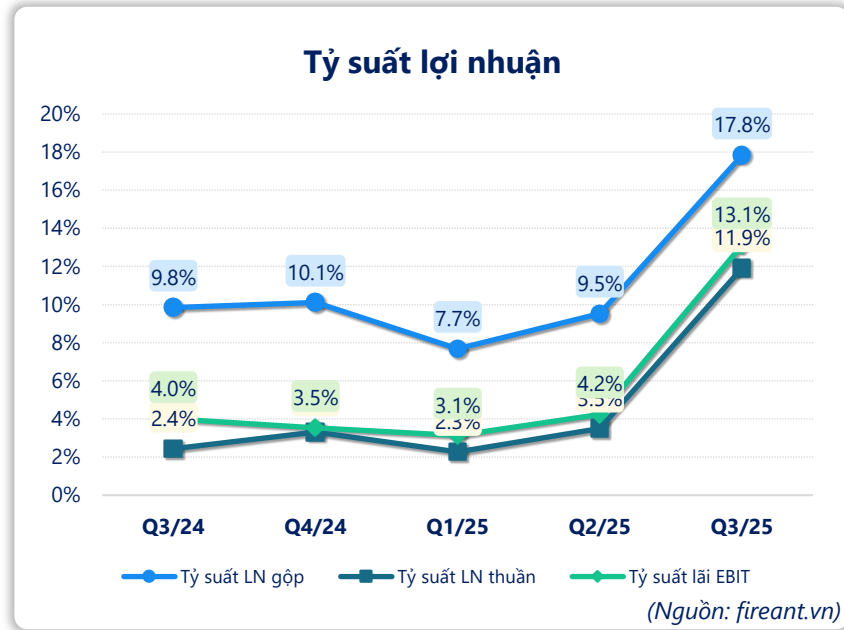
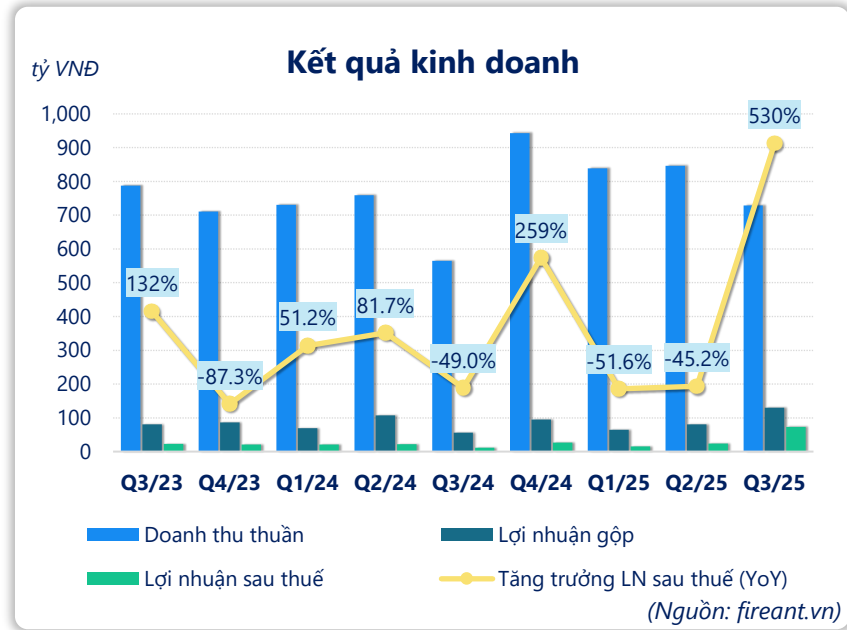


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,860
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,489
SL cổ phiếu LH		25,415,199
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,885
% sở hữu nước ngoài		7.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		280
P/E		2.0
EPS		5,416

	YTD	1T	3T	6T
HLC	-4.5%	-2.7%	-0.9%	-12.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,512	1,619	-6.6%
Tài sản ngắn hạn	677	602	12.5%
Tiền và tương đương tiền	17.3	14.8	17.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	150	334	-55.1%
Hàng tồn kho	505	253	99.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.47	0	
Tài sản dài hạn	835	1,017	-17.9%
Phải thu dài hạn	17.4	35.4	-50.9%
Tài sản cố định	682	795	-14.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.93	60.7	-93.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	132	126	4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,049	1,192	-12.1%
Nợ ngắn hạn	848	1,005	-15.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	208	454	-54.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	156	274	-43.2%
Nợ dài hạn	201	187	7.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	201	187	7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	463	426	8.6%
Vốn chủ sở hữu	463	426	8.6%
Vốn điều lệ	254	254	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	565	943	839	846	729
Giá vốn hàng bán	510	848	774	766	599
Lợi nhuận gộp	55.6	95.3	64.4	80.6	130
Doanh thu HĐTC	0.03	1.17	0.04	0.03	0.05
Chi phí TC	8.38	7.85	7.42	6.25	4.78
Chi phí lãi vay	8.38	0.78	7.42	6.25	4.78
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.62	1.27	0.82	1.23	0.85
Chi phí QLDN	32.8	56.2	37.2	43.5	37.6
LN thuần từ HĐKD	13.8	31.2	19.1	29.6	86.8
Lợi nhuận khác	0.37	1.38	-0.19	0.04	4.02
LN trước thuế	14.2	32.6	18.9	29.7	90.8
Lợi nhuận sau thuế	11.3	26.3	15.0	23.7	72.6
LNST của CĐ cty mẹ	11.3	26.3	15.0	23.7	72.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	202	-41.1	109	255	4.25
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.0	-26.9	-44.3	-54.2	-35.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.1	-88.3	-76.6	-180	24.2
Tiền đầu kỳ	47.3	171	14.8	3.03	24.0
Lưu chuyển tiền thuần	124	-156	-11.7	21.0	-6.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	171	14.8	3.03	24.0	17.3

(Nguồn: fireant.vn)